



Bài báo nghiên cứu MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG CỐ VẤN HỌC TẬP CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÀ CÁC ĐỀ XUẤT CẢI TIẾN CHO VIỆT NAM

Phạm Thị Lan Phương

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tác giả liên hệ: Phạm Thị Lan Phương – Email: phuongptl@hcmue.edu.vn

Ngày nhận bài: 06-02-2020; ngày nhận bài sửa: 27-02-2020; ngày duyệt đăng: 30-11-2020

TÓM TẮT

Bài viết phân tích các quy định và hướng dẫn về hoạt động cố vấn học tập (CVHT) tại một số trường đại học (ĐH) ở Việt Nam, Đức và Hồng Kông. Tại trường ĐH Việt Nam, hoạt động CVHT thuộc chức năng công tác sinh viên (SV) và người cố vấn là giảng viên; trong khi ở các trường ĐH nước ngoài thường thuộc chức năng giảng dạy - học tập và người làm cố vấn không chỉ giới hạn trong giảng viên. Hệ thống tổ chức hoạt động CVHT thường bao gồm một văn phòng tư vấn SV trung tâm, từ đó phân loại các nhu cầu của SV, trong đó có tư vấn học tập (TVHT). Dựa vào phân tích tài liệu, bài viết đưa ra đề xuất về mô hình tổ chức hoạt động CVHT gồm ba biến số phù hợp với điều kiện hiện tại của các trường ĐH Việt Nam.

Từ khóa: cố vấn học tập; mô hình; trường đại học; Việt Nam

1. Đặt vấn đề

Cạnh tranh giữa các cơ sở giáo dục ĐH thông qua các chỉ số chất lượng giáo dục đang ngày càng trở nên phổ biến. Những năm gần đây, hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục đã có những bước tiến đáng kể cả về lí luận và thực tiễn, nhất là trong khu vực giáo dục ĐH. Theo hướng coi SV là đối tượng quan trọng tham gia vào hoạt động đảm bảo chất lượng, một số trường ĐH đã lấy ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy, dịch vụ thư viện và công tác SV.

Hoạt động CVHT, còn được gọi là *tư vấn học tập*¹ theo nghĩa dịch từ cụm từ *academic advising* trong các tài liệu tiếng Anh, ảnh hưởng tới kết quả học tập của SV và cũng ảnh hưởng tới sự hài lòng chung của SV về nhà trường. Tại các trường ĐH Việt Nam, hoạt động CVHT có thể thuộc chức năng của công tác SV, hoặc đào tạo, đảm bảo chất lượng, hoặc một phòng chuyên trách và khoa đào tạo. Những nghiên cứu gần đây về hoạt động CVHT cho thấy SV đánh giá hoạt động CVHT phần lớn ở mức trung bình (Vo, 2015; Nguyen, & Vu,

Cite this article as: Phạm Thị Lan Phương (2020). Academic advising models at universities and recommendations for Vietnam. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 17(11), 2053-2065.

¹ Trong bài viết này, cụm từ “hoạt động cố vấn học tập” và “tư vấn học tập” được coi là tương đương và được dùng thay thế lẫn nhau. Trong các tài liệu và văn bản tiếng Việt, từ “cố vấn học tập” phổ biến hơn nên tác giả thiên về sử dụng từ này cho bối cảnh của Việt Nam.

2019) hoặc hài lòng (Pham, & Pham, 2019). Các kết quả nghiên cứu cho thấy hoạt động CVHT có những khía cạnh cần được cải thiện.

2. Cơ sở lý luận

Cộng đồng tư vấn học thuật toàn cầu (NACADA), tiền thân là Hiệp hội tư vấn học tập quốc gia của Mỹ, thừa nhận không tồn tại một định nghĩa duy nhất về hoạt động CVHT hay TVHT. Trang web của Cộng đồng tư vấn học thuật toàn cầu liệt kê 13 định nghĩa đa dạng về cả triết lý và cấu trúc của hoạt động TVHT (NACADA, 2003). Trong đó có một định nghĩa khá ngắn gọn và dễ hiểu do Crookston (1972) đề xuất là: “Một quy trình có hệ thống dựa trên mối quan hệ gần gũi giữa cố vấn – SV nhằm *hỗ trợ SV đạt được các mục tiêu giáo dục, nghề nghiệp và cá nhân* thông qua việc sử dụng đầy đủ các nguồn lực của tổ chức và cộng đồng”. Định nghĩa này về TVHT cho thấy các đặc trưng chủ yếu của hoạt động gồm một quy trình có hệ thống, các chủ thể tham gia hoạt động là người cố vấn và SV, các nguồn lực, nhằm hỗ trợ SV đạt các mục tiêu giáo dục, nghề nghiệp và cá nhân. Định nghĩa cho thấy, mục tiêu của TVHT không chỉ giới hạn ở học tập mà còn cả nghề nghiệp và cá nhân.

Gordon, Habley, và Grites (2008) xem xét sự phát triển của hoạt động TVHT (academic advising) tại Mỹ và cho rằng hoạt động này song hành cùng với lịch sử của trường ĐH. Theo các tác giả, sự hình thành và phát triển các chức năng của TVHT được chia thành 3 giai đoạn. Giai đoạn đầu tiên, từ đầu thế kỉ XVII đến cuối thế kỉ XVIII là những tư vấn về chương trình học có tính đồng nhất và rất ít quan tâm đến dịch vụ SV. Giai đoạn thứ hai, từ 1870 đến 1970, bắt đầu với việc xuất hiện của môn học tự chọn và chuyên ngành, từ đó kéo theo nhu cầu về nhân viên dịch vụ SV phát triển mạnh mẽ. Các nhân viên TVHT bắt đầu xuất hiện bổ sung cho đội ngũ giảng viên TVHT. Các nhân viên này giúp SV lựa chọn hướng học tập trước sự đa dạng của các lĩnh vực học thuật. Giai đoạn này, hoạt động CVHT đã được định hình rõ ràng hơn, tuy nhiên vẫn là hoạt động củng cố thêm cho dịch vụ SV. Những năm 1970 trở đi, hoạt động TVHT bước sang giai đoạn thứ ba và bắt đầu có tính chuyên nghiệp, không còn là sự ứng biến để đáp ứng lại nhu cầu của SV mà trở thành một hoạt động có thể lập kế hoạch và xác định từ trước. Những nhân viên tư vấn chuyên trách trở thành một bộ phận không thể thiếu trong trường ĐH bên cạnh các tư vấn là giảng viên. Các giảng viên không còn sở hữu đủ kiến thức về tư vấn, lý thuyết công tác SV và các kỹ năng sử dụng công nghệ tương tác kịp thời với SV trong một môi trường tổ chức mới.

Tại đa số các nước châu Âu lục địa, giáo dục ĐH truyền thống vẫn được duy trì và được coi là dịch vụ xã hội. SV tại đây không phải đóng học phí và các trường ĐH tập trung chủ yếu vào việc dạy học và nghiên cứu. Hoạt động tư vấn và hỗ trợ cho việc học tập của SV được chia thành 2 lĩnh vực rõ rệt, trong đó TVHT phân loại thuộc các khía cạnh giảng dạy và nghiên cứu; còn dịch vụ và hỗ trợ cuộc sống của SV được phân loại thuộc các khía cạnh xã hội của giáo dục ĐH. Việc tư vấn và hỗ trợ học tập của SV là nhiệm vụ toàn quyền của trường ĐH và thường là một phần công việc của giảng viên, còn việc hỗ trợ cuộc sống

của SV ngoài trường ĐH đảm nhận còn có sự đóng góp của các tổ chức và cá nhân ngoài nhà trường.

Theo Ủy ban châu Âu về Công tác SV (European Council for Student Affairs-ECStA, 2019), tại Website của tổ chức này, công tác SV nhằm giúp SV có được điều kiện tốt cho việc học tập nhưng không có TVHT. Cụ thể công tác SV gồm:

- Lưu chuyên SV;
- Tài trợ học tập và cuộc sống của SV, học bổng và chi phí sinh hoạt;
- Chỗ ở và nhà ở SV;
- Nhà hàng và quán ăn tự phục vụ cho SV;
- Hướng dẫn và tư vấn (các nhu cầu đời sống và sinh hoạt);
- Thẻ SV châu Âu;
- Tổ chức hội nghị và hội thảo (cho đối tượng là SV);
- Thúc đẩy và thực hiện nghiên cứu và khảo sát (cho đối tượng là SV);
- Dự án trao đổi cho SV và nhân viên.

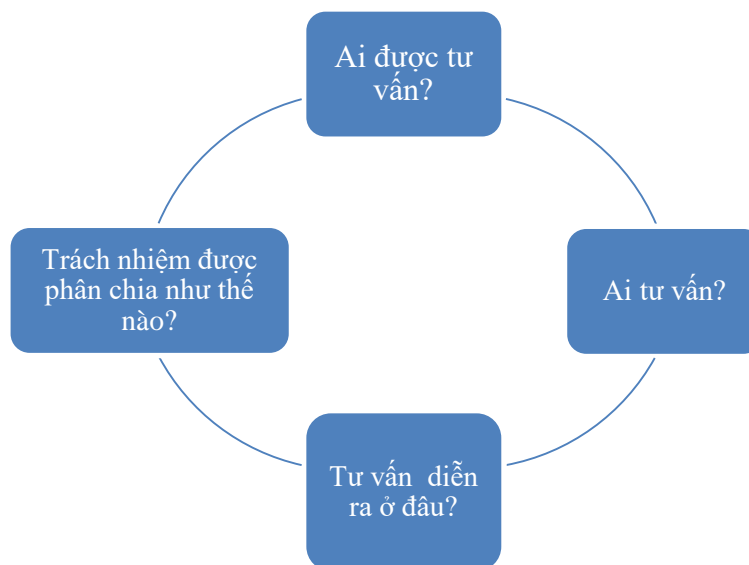
Việc ECStA (2019) xác định phạm vi của công tác SV như trên cho thấy tư vấn các vấn đề về học tập cũng như định hướng nghề nghiệp của SV không thuộc chức năng của công tác SV.

Tại Việt Nam, văn bản của ngành giáo dục đưa ra những quy định cụ thể nhất về hoạt động CVHT là Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016) ban hành Quy chế công tác SV đối với chương trình đào tạo ĐH hệ chính quy ngày 05 tháng 04 năm 2016. Trong văn bản này, Điều 16 về “Hỗ trợ và dịch vụ SV” đưa ra khoản mục “Tư vấn học tập”, Điều 19 “Các đơn vị, cá nhân phụ trách công tác SV” đưa ra khoản mục “CVHT”. Theo cách dùng thuật ngữ trong hai điều khoản này “tư vấn học tập” là hoạt động và “CVHT” là chủ thể thực hiện hoạt động. Thêm vào đó Mục 3 Điều 19 dùng cụm từ “công tác CVHT” để diễn tả các hoạt động TVHT. Như vậy có thể thấy “tư vấn học tập”, “công tác CVHT” là từ đồng nghĩa. Mặt khác, các văn bản của nhiều trường ĐH Việt Nam về việc TVHT thường dùng cụm từ “công tác CVHT” theo nghĩa tương đồng với “hoạt động CVHT”. Các khái niệm trong khoa học xã hội thường mang tính tương đối; vì vậy, nghĩa cụ thể của các khái niệm then chốt trong bài viết như “tư vấn học tập”, “cố vấn học tập”, “công tác CVHT” và “hoạt động CVHT” cần xem xét trong mỗi đoạn, mỗi câu mà khái niệm được sử dụng.

Hoạt động CVHT tại Việt Nam còn khá non trẻ do mới ra đời gần đây cùng với việc áp dụng phương thức đào tạo theo tín chỉ. Do vậy, tìm hiểu các mô hình tổ chức hoạt động CVHT tại các trường ĐH để đưa ra những kiến nghị sẽ giúp ích cho các trường ĐH Việt Nam.

Một mô hình tương đối đơn giản được đề xuất bởi Miller (2012) trên trang mạng của Hiệp hội tư vấn học thuật quốc gia Mỹ (NACADA), Mô hình có 4 biến số tư vấn như trình bày trong Hình 1, gồm: (1) Ai được tư vấn, (2) Ai tư vấn, (3) Tư vấn diễn ra tại đâu, (4) Phân

công trách nhiệm như thế nào. Đây là một mô hình phù hợp cho các hệ thống TVHT mới đang ở giai đoạn phát triển ban đầu.



Hình 1. Mô hình TVHT bốn biến số của Miller (2012)

Mô hình của Miller (2012) giúp định hướng cho các phân tích về hoạt động CVHT của các trường ĐH trong phần kết quả và thảo luận.

3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính, cụ thể là phân tích tài liệu. Tài liệu là một nguồn dữ liệu then chốt trong nghiên cứu định tính và phân tích tài liệu để tìm ra ý nghĩa, thu lượm tri thức và phát triển hiểu biết thực tiễn (Bowen, 2009). Ba trường ĐH tại Việt Nam và hai trường ĐH nước ngoài được lựa chọn làm trường hợp nghiên cứu. Nguồn dữ liệu về các trường ĐH này gồm các thông tin trên trang mạng của trường, các văn bản do trường ban hành và các bài nghiên cứu về các trường.

Nguồn tài liệu được tìm kiếm trên trang Google. Đối với tài liệu tiếng Việt, các từ khóa tìm kiếm gồm: “CVHT”, “đại học”. Từ khóa “CVHT” cho ra 230.000 kết quả. Tác giả đọc sơ qua các tài liệu và chưa đi vào đọc sâu. Từ khóa “CVHT” “đại học” cho ra 164.000 kết quả. Tác giả lựa chọn đọc các bài nghiên cứu trên các tạp chí trước để nắm bắt nhận định của các chuyên gia, sau đó đọc các quy định về công tác CVHT của các trường ĐH.

Ba trường ĐH Việt Nam trong mẫu nghiên cứu trường hợp được lựa chọn sau quá trình đọc sâu các tài liệu và dựa trên tiêu chí: (1) Thông tin về trường ĐH phong phú, (2) Quy định công tác SV rõ ràng, dễ hiểu, (3) Là các trường ĐH độc lập (không trực thuộc các ĐH quốc gia/vùng) và có bối cảnh tổ chức khác nhau, (4) Nhà trường đang ở trong xu hướng phát triển tích cực. Ba trường hợp được chọn gồm Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật TPHCM, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân Hà Nội và Học viện Ngân hàng. Trường hợp thứ nhất có lịch sử áp dụng quy định CVHT từ rất sớm vào năm 2005. Trường hợp thứ hai có những sự thay đổi về quy định CVHT trong thời gian gần đây, quy định hiện tại ban hành năm 2018 thay

thể cho quy định năm 2014. Trường hợp thứ ba có quy định CVHT rất toàn diện, cụ thể và tỉ mỉ.

Đối với tài liệu bằng tiếng Anh, từ khóa tìm kiếm là “academic advising”, trang mạng của Cộng đồng toàn cầu về TVHT (NACADA) cung cấp nhiều đường dẫn tới các nguồn tài liệu tổng quan và thực tiễn hoạt động CVHT tại Mỹ. Thực tiễn tại châu Âu lục địa và châu Á đều hữu ích đối với Việt Nam. Do giới hạn bài viết, chúng tôi chọn một trường ĐH tại Đức và một trường ĐH tại Hong Kong để tìm hiểu hệ thống tổ chức hoạt động CVHT của hai trường này thông qua trang mạng.

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Người làm CVHT và nhiệm vụ của họ

Cùng với việc chính thức áp dụng phương thức đào tạo theo tín chỉ tại Việt Nam từ năm 2007, chức danh CVHT và hoạt động CVHT đã ra đời. Quy chế đào tạo ĐH và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ đang có hiệu lực được Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014) ban hành theo Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 trên cơ sở hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT. Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT đề cập chức danh CVHT và quy định nhiệm vụ của CVHT do hiệu trưởng trường ĐH quyết định. Do vậy, chức năng và nhiệm vụ của CVHT tùy thuộc vào mỗi trường ĐH.

Một văn bản khác quy định rõ hơn về công tác CVHT là Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016) ban hành Quy chế công tác SV đối với chương trình đào tạo ĐH hệ chính quy ngày 05 tháng 4 năm 2016. Trong văn bản này, Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016) quy định TVHT thuộc công tác SV và trưởng khoa phân công giảng viên kiêm nhiệm công tác CVHT cho SV.

Những văn bản này quy định hoạt động CVHT tại các trường ĐH. Dưới đây là một số quy định về nhiệm vụ của CVHT tại một số trường ĐH ở Việt Nam.

4.1.1. Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật TPHCM

Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật TPHCM áp dụng hệ thống đào tạo theo tín chỉ từ rất sớm, trước khi hệ thống này được Bộ Giáo dục và Đào tạo tuyên bố áp dụng chính thức vào năm 2007. Theo nghiên cứu của Vo (2015) về hoạt động CVHT tại Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật TPHCM, CVHT được định nghĩa là người tư vấn và hỗ trợ SV phát huy khả năng học tập, lựa chọn học phần phù hợp để đáp ứng mục tiêu học tập và định hướng nghề nghiệp; theo dõi quá trình học tập của SV; quản lý lớp được phân công phụ trách đảm bảo các quyền và nghĩa vụ của SV. Cũng theo tác giả này, CVHT tại Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật TPHCM là giảng viên ở các khoa và kiêm nhiệm công tác CVHT. Hoạt động CVHT thuộc lĩnh vực công tác SV và đòi hỏi sự phối hợp giữa khoa, phòng công tác SV và các phòng chức năng có liên quan. Nhiệm vụ cụ thể của CVHT được chỉ rõ trong Quy chế quy định về chức năng nhiệm vụ của CVHT rèn luyện theo Quyết định số 164/QĐ/CTCT-QLSV ngày 20/5/2005 của Trường (Vo, 2015) như sau:

- 1) Lập kế hoạch hoạt động cho từng học kỳ;
- 2) Tư vấn cho SV (SV) về nội dung và chương trình đào tạo;

- 3) Tư vấn cho SV về quy chế rèn luyện và chế độ chính sách của SV;
- 4) Hướng dẫn SV đăng kí môn học;
- 5) Quản lí được danh sách lớp, thông tin cá nhân SV;
- 6) Khuyến khích, tạo điều kiện cho SV tham gia các hoạt động học thuật, nghiên cứu khoa học;
- 7) Sử dụng Sổ tay CVHT làm cơ sở phân loại, đánh giá SV theo quy định;
- 8) Giúp SV thiết kế chương trình học tập;
- 9) Cho SV lời khuyên khi gặp khó khăn trong học tập;
- 10) Thông báo quy định chủ trương chính sách kịp thời cho SV
- 11) Giải đáp, ghi nhận những tâm tư, nguyện vọng, góp ý của SV đối với nhà trường;
- 12) Sau mỗi lần sinh hoạt, CVHT báo cáo bằng văn bản với trưởng khoa về tình hình lớp.

Có thể thấy, Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật TPHCM là cơ sở giáo dục ĐH tiên phong trong triển khai hoạt động CVHT. Mặc dù Quy định về công tác CVHT của Trường được ban hành từ năm 2005 nhưng bao quát hầu hết các nhiệm vụ của CVHT. Tuy nhiên, việc quy định chức danh CVHT là giảng viên trong khi công việc CVHT phải đảm nhận còn thiên về sự vụ hành chính, các nhiệm vụ này chiếm 7/12 đầu nhiệm vụ, chưa đưng những mâu thuẫn tiềm ẩn về việc giảng viên sẽ ít đầu tư cho công tác CVHT.

4.1.2. Trường ĐH Kinh tế Quốc dân Hà Nội

Quy định công tác CVHT hiện hành tại Trường được ban hành ngày 01/8/2018 thay thế cho quy định được ban hành năm 2014. Sự chỉnh sửa quy định công tác CVHT sau 4 năm thực hiện cho thấy công tác này có tính phức tạp. Hiện nay, nhiệm vụ của CVHT gồm:

- 1) Thực hiện các hoạt động tư vấn, hỗ trợ và giúp đỡ SV trong quá trình học tập và rèn luyện, tạo điều kiện để SV phát huy năng lực, khả năng học tập đạt kết quả tốt;
- 2) Thực hiện quản lí SV theo danh sách và lớp được phân công, đảm bảo sự gắn kết giữa các lớp SV với các tổ chức quản lí trong Trường;
- 3) Nắm vững chương trình đào tạo, quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo, quy định và nội quy của Trường để làm tốt công tác CVHT;
- 4) Phối hợp thực hiện các hoạt động khen thưởng và kỉ luật SV;
- 5) Thực hiện chế độ báo cáo định kì hoặc đột xuất cho Khoa;
- 6) Tham gia các hoạt động liên quan tới SV khi được yêu cầu.

Theo quy định công tác CVHT tại Trường ĐH Kinh tế Quốc dân Hà Nội (2018), CVHT phải có trách nhiệm đối với SV đặc biệt là tư vấn cho SV về phương pháp học tập, nghiên cứu khoa học và định hướng phát triển bản thân; theo dõi quá trình học tập để hướng dẫn SV lập kế hoạch học tập nhằm điều chỉnh sao cho kịp thời và phù hợp. Cũng giống như quy định về CVHT tại Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật TPHCM, người CVHT phải làm nhiều công việc hành chính.

4.1.3. Học viện Ngân hàng

Theo Quy chế công tác CVHT ban hành ngày 04/10/2018 của Học viện Ngân hàng, CVHT được định nghĩa “là người hỗ trợ SV phát huy tối đa khả năng học tập, rèn luyện và nghiên cứu khoa học, lựa chọn đăng kí học phần phù hợp để đáp ứng mục tiêu tốt nghiệp và

khả năng tìm được việc làm sau khi ra trường, theo dõi quá trình học tập, rèn luyện và nghiên cứu khoa học của SV nhằm giúp SV điều chỉnh kịp thời hoặc đưa ra lựa chọn đúng trong quá trình học tập, đồng thời quản lí, hướng dẫn và chỉ đạo lớp được phân công phụ trách”.

Nhiệm vụ của CVHT gồm 3 lĩnh vực chính, đồng thời có quy định cụ thể nhiệm vụ của CVHT chuyên trách và kiêm nhiệm.

- Tư vấn về học tập và rèn luyện: Hướng dẫn SV nắm vững quy chế đào tạo; hướng dẫn SV xây dựng kế hoạch học tập, đăng kí học phần; tư vấn cho SV phương pháp học tập và nghiên cứu khoa học, hướng dẫn SV giải quyết khó khăn trong quá trình học tập; theo dõi quá trình học tập của SV; phối hợp với khoa và phòng chức năng tổ chức các phong trào, các hoạt động ngoại khóa và đoàn thể.

- Tư vấn các lĩnh vực khác: Hướng dẫn SV tham gia hoạt động ngoại khóa và thực hiện nội quy học viện; góp ý cho SV về các vấn đề xã hội và định hướng nghề nghiệp.

- Nhiệm vụ khác: Xem xét các yêu cầu của SV để giải quyết theo quy định; xây dựng mối quan hệ và sự hiểu biết lẫn nhau giữa SV với viên chức và các đơn vị trong tổ chức.

Quy chế công tác CVHT của Học viện Ngân hàng quy định rất chi tiết các nhiệm vụ của CVHT chuyên trách và CVHT kiêm nhiệm. Trong đó, CVHT chuyên trách chủ yếu làm các công việc xây dựng và kiện toàn hệ thống bộ máy làm công tác CVHT, làm đầu mối liên lạc giữa hệ thống CVHT với các phòng chức năng, tổ chức, giám sát các hỗ trợ và tư vấn SV toàn Học viện; còn CVHT kiêm nhiệm giải quyết các công việc liên quan đến học tập, rèn luyện và nghiên cứu khoa học của SV theo lớp được giao phụ trách. Quy chế công tác CVHT của Học viện Ngân hàng cũng quy định chức năng, vai trò, quyền hạn, trách nhiệm với SV và đánh giá hoạt động CVHT. Có thể nói đây là một Quy chế có tính tường minh, rõ ràng, hướng dẫn việc thực hiện hoạt động CVHT một cách đầy đủ và toàn diện.

4.2. Cách thức tổ chức hoạt động CVHT

Trong quy định về công tác CVHT của các trường ĐH thường có các điều khoản liên quan đến tổ chức hoạt động và phối hợp thực hiện hoạt động CVHT, từ đó thể hiện mô hình tổ chức hoạt động CVHT của nhà trường.

Trong 3 cơ sở giáo dục ĐH đề cập ở trên, *Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật TPHCM* không công bố công khai rộng rãi quy định về công tác CVHT của nhà trường. Qua nghiên cứu của Võ Thị Ngọc Lan (2015), có thể thấy rằng CVHT làm nhiệm vụ TVHT, rèn luyện và định hướng phát triển cá nhân cho SV và chức danh CVHT dành cho đội ngũ giảng viên ở các khoa; trong khi nhiệm vụ vận hành toàn hệ thống CVHT và là đầu mối tổng hợp báo cáo từ các khoa là do Phòng Công tác SV đảm nhận.

Đối với Trường ĐH Kinh tế Quốc dân Hà Nội, Trường đã xây dựng hệ thống có văn bao gồm 2 bộ phận:

- *CVHT chuyên trách* hiện nay do Phòng Công tác chính trị và Quản lí SV chịu trách nhiệm (trước tháng 8/2018 do Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục chịu trách nhiệm). CVHT chuyên trách hỗ trợ các hoạt động liên quan đến quản lí SV cho các CVHT kiêm nhiệm.

- *CVHT kiêm nhiệm* là giảng viên thuộc các khoa, viện, trung tâm có đào tạo SV chuyên ngành. Trường quy định tiêu chuẩn CVHT là phải có hai năm trực tiếp giảng dạy, am hiểu về chương trình đào tạo, có năng lực và nhiệt tình với công tác hỗ trợ, tư vấn SV; quy định về các buổi họp và làm việc với lớp phụ trách, chế độ báo cáo; và không quy định về số lớp học phụ trách.

Điểm đặc biệt của hệ thống CVHT đang vận hành tại Trường ĐH Kinh tế Quốc dân Hà Nội là nhân mạnh tới hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục. Đã có một giai đoạn, từ 2014 đến trước tháng 8/2018, công tác CVHT thuộc trách nhiệm của Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục. Tuy nhiên, từ tháng 8/2018, sau khi có Thông tư 10/2016/TT-BGDĐT về Quy chế công tác SV đối với chương trình đào tạo ĐH hệ chính quy, công tác CVHT của Trường được chuyển giao cho Phòng Công tác Chính trị và Quản lý SV. Hiện nay, chất lượng hoạt động của công tác CVHT do Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục giám sát. Điều này cho thấy Trường chú trọng tới các hoạt động tư vấn và hỗ trợ SV nhằm đạt tới mục đích cuối cùng là nâng cao chất lượng học tập của SV và chất lượng giáo dục của nhà trường.

Đối với Học viện Ngân hàng, CVHT được tổ chức theo mô hình 2 cấp:

- *CVHT kiêm nhiệm*: Là viên chức giảng dạy làm nhiệm vụ CVHT tại khoa, được lựa chọn từ giảng viên có kinh nghiệm giảng dạy, nghiên cứu khoa học (tối thiểu 5 năm kinh nghiệm và có trình độ thạc sĩ trở lên) và nắm vững quy chế đào tạo ĐH. Mỗi CVHT phụ trách không quá 3 lớp SV cùng ngành, cùng khóa học.

- *CVHT chuyên trách*: Là viên chức làm nhiệm vụ CVHT thuộc Phòng Đào tạo, Phòng Quản lý người học.

Điểm đặc biệt của mô hình tổ chức công tác CVHT tại Học viện Ngân hàng là phân cấp hoạt động CVHT, đồng thời có chức danh chính thức cho người làm CVHT chuyên trách. Bộ phận chuyên trách là đầu mối kiện toàn và vận hành hệ thống công tác CVHT là Phòng Quản lý người học. Phòng chức năng này ngoài việc thực hiện TVHT và rèn luyện cho SV còn làm đầu mối tiếp nhận, xử lý và giải quyết các vấn đề có liên quan đến SV toàn Học viện, thực hiện công tác hướng nghiệp, tư vấn việc làm cho người học. Ngoài ra, công tác CVHT chuyên trách cũng được Phòng Đào tạo đảm nhận. Mô hình phối hợp giữa 2 phòng chức năng là Phòng Quản lý người học và Phòng Đào tạo, đội ngũ giảng viên có kinh nghiệm ở Khoa đào tạo cùng vận hành hoạt động CVHT cho thấy Học viện phân biệt rõ ràng các chức năng của công tác SV gồm quản lý người học, hỗ trợ TVHT và định hướng cá nhân, hỗ trợ các hoạt động trong đời sống SV.

Trong 3 mô hình tổ chức hoạt động CVHT mà chúng tôi có điều kiện phân tích sâu, thì mô hình của Học viện Ngân hàng thể hiện sự rõ ràng và toàn diện trong phân chia chức năng nhiệm vụ giữa các bộ phận, người đảm nhận, cũng như có các nội dung về cơ chế phối hợp, đánh giá thực hiện nhiệm vụ và bồi dưỡng chuyên môn cho CVHT kiêm nhiệm.

4.3. Một số mô hình tổ chức hoạt động CVHT của các trường ĐH nước ngoài

Hoạt động CVHT đồng nghĩa với *TVHT* khi xem xét nghĩa của từ *academic advising*. Trường ĐH nổi tiếng ở châu Âu lục địa – Ludwig-Maximilians-Universität München (LMU

Munich) (Đức) cho thấy thực tế tại ĐH truyền thống châu Âu. Tại trang mạng chủ bằng tiếng Anh của Trường, đường dẫn tới mục TVHT (Academic Advising) đi từ mục SV tới Hướng dẫn cho SV quốc tế, đến Học tập tại LMU Munich tới Dịch vụ hỗ trợ SV (hướng dẫn tất cả các dịch vụ dành cho SV), trong đó có nội dung về TVHT. Mục TVHT cung cấp thông tin về các bộ phận giải quyết các nhu cầu hỗ trợ học tập của SV, cụ thể như sau:

- Để biết thông tin về các môn học và lời khuyên về tất cả các khía cạnh của việc học tập tại LMU Munich, truy cập vào đường link của *Văn phòng Tư vấn SV trung tâm* (chủ yếu dành cho SV Đức) hoặc *Văn phòng quốc tế* (dành cho SV quốc tế), cả hai tổ chức đều cung cấp tư vấn chung về việc lựa chọn chuyên ngành, lựa chọn khóa học, tuyển sinh và tham gia các tổ chức SV.

- Nếu có nhu cầu cụ thể về dạy kèm và tư vấn học thuật, có thể liên lạc với CVHT từng môn học của các khoa tại mục *TVHT*, thường là giảng viên trong các lĩnh vực tương ứng. Các cố vấn sẽ trả lời các câu hỏi cụ thể về nội dung khóa học, chương trình giảng dạy, yêu cầu bằng cấp và kỹ năng học tập.

- Nếu không biết tìm thông tin mình quan tâm liên quan đến các chương trình học tập sẵn có, các thủ tục nhập học, hoặc kiểm tra năng lực, báo nghỉ học, hoặc gia hạn học tập, các trợ lý SV từ bộ phận *Dịch vụ thông tin học tập* (SIS) sẽ trả lời thắc mắc hoặc giới thiệu đến nơi có thể trả lời. SIS là trung tâm cuộc gọi của Văn phòng Tuyển sinh SV và Văn phòng Tư vấn SV trung tâm thường trực hàng ngày. Mặc dù thông tin trên mạng viết bằng tiếng Đức, tất cả các tư vấn viên đều có thể nói tiếng Anh.

Hệ thống TVHT tại LMU Munich gồm Văn phòng tư vấn SV trung tâm và Văn phòng quốc tế (đối với SV quốc tế thì Văn phòng quốc tế cũng chịu trách nhiệm), từ đây, mọi nhu cầu hỗ trợ của SV được giải đáp hoặc hướng dẫn tới những bộ phận cụ thể hơn. Các hỗ trợ về học thuật liên quan tới ngành học và môn học cụ thể do CVHT là giảng viên tại khoa trả lời. Ngoài ra, còn có bộ phận tổng đài Dịch vụ thông tin SV do trợ lý SV đảm nhận hỗ trợ Văn phòng tư vấn SV trung tâm. Điểm nổi bật của hệ thống TVHT tại LMU Munich là tất cả các hướng dẫn đều rõ ràng và được đăng tải trên trang mạng của Trường. ĐH của Đức là một môi trường song ngữ và có tính quốc tế cao, mọi SV đều có thể giao tiếp tự tin bằng tiếng Anh. Tuy nhiên, một số mục nội dung trên trang mạng của trường ĐH vẫn được viết bằng tiếng Đức.

Tại khu vực châu Á, Hong Kong có các trường ĐH theo định hướng thị trường. Ở đây, các hoạt động tư vấn, hỗ trợ SV rất phát triển. Ví dụ, tại Trường ĐH Hong Kong (The University of Hong Kong), từ trang mạng chính của Trường có thể thấy mục Giảng dạy và Học tập (Teaching and Learning), khi truy cập sẽ thấy mục TVHT (Academic Advising). Mục TVHT cung cấp quan điểm của nhà trường về CVHT “là một quá trình phát triển, trong đó SV được hỗ trợ trong việc làm rõ các mục tiêu học tập, nghề nghiệp và cuộc sống của họ, phát triển các kế hoạch để đạt được các mục tiêu này và đánh giá tiến bộ của chính họ...”. Mục này gồm các nội dung về: Hệ thống TVHT, Văn phòng TVHT, Công cụ Hệ thống thông tin SV (SIS) để TVHT; Hướng dẫn tham chiếu nhanh cho các CVHT giảng viên và Nguồn lực cho cố vấn.

Hệ thống TVHT tại Trường ĐH Hong Kong chia làm 4 bộ phận, tư vấn tại khoa, tư vấn tại văn phòng trung tâm của trường, tư vấn tại khu nội trú do SV có kinh nghiệm đảm nhận và tư vấn trên trang web. Về việc hỗ trợ SV lựa chọn các môn học, ngành học chính và phụ, các SV được khuyến khích gặp và tham khảo các CVHT của họ tại các khoa và ngành học tương ứng. Các cố vấn của Văn phòng TVHT (Academic Advising Office) sẽ cùng ngồi với từng SV để hướng dẫn họ về yêu cầu bằng cấp, quy định và thủ tục liên quan đến việc học tập, thông tin về các cơ hội học tập liên ngành phối hợp giữa các khoa. Nói chung, các trường ĐH Hong Kong đang vươn lên mạnh mẽ cả về xếp hạng học thuật và đáp ứng nhu cầu của SV.

Xem xét các mô hình tổ chức hoạt động CVHT tại một số trường ĐH ở các nước có nền giáo dục ĐH thành công cho thấy, CVHT được định nghĩa là cung cấp các hỗ trợ cho SV để giúp họ xác định rõ các mục tiêu học tập, nghề nghiệp, cuộc sống và phát triển các kế hoạch để đạt được các mục tiêu này. Để thực hiện được nhiệm vụ này, CVHT phải có kiến thức và kinh nghiệm về chương trình học, thấu hiểu SV và đưa ra những hỗ trợ kịp thời. Người làm công tác CVHT, ngoài đội ngũ truyền thống là giảng viên, đội ngũ các chuyên viên tư vấn chuyên trách ngày càng phát triển và trở nên chuyên nghiệp. Ngoài ra, cần có một hệ thống hạ tầng thông tin – truyền thông để nắm bắt nhu cầu và tương tác hiệu quả với SV.

4.4. Đề xuất mô hình tổ chức hoạt động CVHT cho các trường ĐH Việt Nam

Hai văn bản quy định khung hoạt động CVHT tại các trường ĐH Việt Nam là *Quy chế đào tạo ĐH và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ* theo Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014) và *Quy chế công tác SV đối với chương trình đào tạo ĐH hệ chính quy* theo Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016). Trong đó, Quy chế công tác SV đối với chương trình đào tạo ĐH hệ chính quy 2016 xác định rõ CVHT thuộc công tác SV và người làm CVHT là giảng viên.

Tuy nhiên, thực tế diễn ra tại các trường ĐH Việt Nam như ở Trường ĐH Kinh tế Quốc dân Hà Nội và Học viện Ngân hàng cho thấy, có trường ĐH đã phân chia hoạt động CVHT thành 2 bộ phận là: (1) *CVHT chuyên trách*, do phòng công tác SV và một số phòng chức năng đảm nhận, (2) *CVHT kiêm nhiệm*, do giảng viên ở các khoa đảm nhận. Học viện Ngân hàng quy định chức danh CVHT cho cả giảng viên và chuyên viên chuyên trách. Tại các trường ĐH nước ngoài, đội ngũ CVHT bao gồm cả các chuyên viên làm công tác SV và giảng viên. Điều này cho thấy quy định phân công CVHT là giảng viên trong *Quy chế công tác SV đối với chương trình đào tạo ĐH hệ chính quy* (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2016) đã không còn phù hợp.

Tham khảo lí luận về mô hình tổ chức hoạt động CVHT trong mục 2 và tài liệu về CVHT của các trường ĐH đề cập trong mục 4.2 và mục 4.3, có thể thấy nhiệm vụ CVHT không chỉ liên quan đến giải đáp về các môn học mà còn liên quan đến các mục tiêu nghề nghiệp và mục tiêu cá nhân; cả những vấn đề cá nhân có ảnh hưởng đến các mục tiêu trên. Điều này thể hiện hoạt động CVHT có rất nhiều đầu việc và liên quan tới nhiều bộ phận,

phòng chức năng; vì vậy, các trường ĐH Việt Nam cần hoàn thiện mô hình tổ chức hoạt động CVHT.

Bài viết này đơn giản hóa mô hình của Miller (2012), đề xuất mô hình tổ chức hoạt động CVHT gồm 3 biến số/thành phần, trong đó gộp biến số (3) và (4) thành một biến số gọi là hệ thống tổ chức hoạt động CVHT cho các trường ĐH Việt Nam như sau:

Một là, hệ thống tổ chức hoạt động CVHT gồm 3 bộ phận:

+ *Hệ thống hỗ trợ SV trung tâm/toàn trường*, chịu trách nhiệm bởi văn phòng công tác SV và là trung tâm tiếp nhận và xử lý thông tin SV đầu tiên. Từ Hệ thống hỗ trợ SV trung tâm này, các nhu cầu hỗ trợ của SV được phân loại và chuyển các bộ phận chịu trách nhiệm xử lý. Công tác SV rất rộng, do vậy cần phải phân chia rõ các bộ phận chuyên trách và liên quan, đặc biệt là 3 lĩnh vực hoạt động giáo dục, tuyên truyền; quản lý; hỗ trợ và dịch vụ đối với SV.

Hệ thống hỗ trợ SV trung tâm phải dễ dàng tiếp cận được. Ngoài việc phổ biến tới SV Sổ tay SV, các hướng dẫn SV trên Website của trường ĐH cũng rất cần thiết để SV tiếp cận được sự TVHT kịp thời, từ mọi nơi. Cũng cần có cả văn phòng TVHT, có giờ tiếp SV và hệ thống giải đáp thắc mắc của SV qua điện thoại và trên trang mạng.

+ *Hệ thống CVHT chuyên trách* đảm nhận bởi văn phòng công tác SV và các phòng chức năng khác tùy theo tổ chức của mỗi trường ĐH. Hệ thống này quản lý, hướng dẫn các hoạt động học tập và rèn luyện của SV; tư vấn, hướng dẫn chung cho SV về thực hiện quy chế, quy định về đào tạo của Trường, yêu cầu tuyển sinh, việc lựa chọn chuyên ngành, tham gia các tổ chức SV, các dịch vụ và hỗ trợ cho cuộc sống SV.

+ *Hệ thống CVHT ở khoa* do giảng viên kiêm nhiệm và quản lý khoa đảm nhận. Hệ thống này cung cấp các tư vấn cho SV về nội dung khóa học và môn học, yêu cầu kiểm tra, chương trình giảng dạy, yêu cầu bằng cấp và kỹ năng học tập. Hiện nay, công việc hành chính, thủ tục quản lý SV mà giảng viên cần phải làm còn nhiều, cần ứng dụng phần mềm và hệ thống dữ liệu dùng chung để giảm thiểu.

Hai là, người làm công tác CVHT không chỉ giới hạn trong giảng viên mà nên mở rộng hơn. Các trường ĐH thành công trên thế giới thường có đội ngũ chuyên viên tư vấn chuyên trách và đội ngũ trợ lý SV TVHT bên cạnh cố vấn là giảng viên.

+ *CVHT giảng viên* làm nhiệm vụ chính là giảng dạy và/hoặc nghiên cứu. Lĩnh vực TVHT thường tập trung vào chương trình giảng dạy và cơ hội nghề nghiệp liên quan đến một chuyên ngành hoặc lĩnh vực cụ thể, tư vấn phát triển kỹ năng để SV đạt được các mục tiêu, kể cả mục tiêu lâu dài của cuộc đời.

+ *Các CVHT chuyên trách* là chuyên viên ở các phòng/ban. Họ có thể dành phần lớn thời gian của họ để gặp gỡ các SV hoặc tham gia tư vấn các hoạt động liên quan. CVHT chuyên trách thường tập trung vào các yêu cầu chương trình học thuật, các chính sách và quy trình của trường ĐH, và các vấn đề phát triển và thành công chung của SV.

+ *Trợ lý SV TVHT* là các SV có kinh nghiệm và được đào tạo để có thể xử lý các nhiệm vụ tư vấn có tính chất thường xuyên và lặp lại, giúp các cố vấn chuyên trách và giảng viên dành thời gian cho các vấn đề quan trọng và phức tạp hơn.

Ba là, người được TVHT ở giai đoạn đầu tập trung vào SV ĐH hệ chính quy vì nguồn lực của các trường ĐH còn giới hạn và công tác TVHT của Việt Nam còn non trẻ chưa thể đáp ứng nhu cầu của mọi đối tượng người học. Khi hệ thống CVHT được tổ chức chặt chẽ, đội ngũ cố vấn trở nên chuyên nghiệp thì có thể mở rộng đối tượng phục vụ tới hệ vừa làm vừa học, văn bằng hai và các lớp bồi dưỡng cho địa phương.

5. Kết luận

Cùng với sự quan tâm tới chất lượng giáo dục ĐH và kết quả học tập của SV, hoạt động CVHT ngày càng nhận được nhiều sự chú ý. Hoạt động CVHT tại các trường ĐH Việt Nam vẫn còn mới mẻ và đang ở giai đoạn đầu phát triển. Do vậy, các trường ĐH cần đổi mới mô hình tổ chức hoạt động CVHT, trong đó tập trung vào việc hồi đáp các nhu cầu của SV một cách kịp thời và hiệu quả.

Bài viết đề xuất mô hình tổ chức hoạt động CVHT ba biến số gồm hệ thống tổ chức hoạt động CVHT, người làm công tác CVHT và đối tượng được tư vấn tập trung vào SV ĐH chính quy dựa trên sự giản lược mô hình của Miller. Từ mô hình này, mỗi trường ĐH có thể xác định giá trị riêng cho mỗi biến số để cải thiện hoạt động CVHT tại trường.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Banking Academy (2018). *Quy chế công tác cơ bản học tập của Học viên Ngân hàng, ban hành ngày 04/10/2018* [Regulation on academic advising at Banking Academy, issued on October 4, 2018].
- Bowen, G. A. (2009). Document analysis as a qualitative research method. *Qualitative Research Journal*, 9(2).
- Crookston, B. B. (1972). A developmental view of academic advising as teaching. *Journal of College Student Personnel*, 13, 12-17. Article reprinted in *NACADA Journal*, 14(2), 5-9.
- ECStA - European Council for Student Affairs (2019). ECSTA-Working Groups. Retrieved December 20, 2019 from <http://ecsta.org/about-us/structure/working-groups/>
- Gordon, V. N., Habley, W. R., & Grites, T. J. (2008). *Academic advising: A comprehensive handbook*. San Francisco, CA: Jossey-Bass.
- Hanoi National Economics University (2018). *Quy định công tác cơ bản học tập tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội, ban hành ngày 01/8/2018* [Regulation on academic advising at Hanoi National Economics University, issued on August 01, 2018].
- Hong Kong University (n.d.). University-wide Academic Advising System. Retrieved November 24, 2020 from <https://aao.hku.hk/uw-aa/>
- LMU Munich - Ludwig-Maximilians-Universität München (n.d.). Academic Advising. Retrieved December 20, 2019 from http://www.en.uni-muenchen.de/students/int_student_guide/studying_at_lmuni/student_support/academic_advising/index.html

- Miller, M. A. (2012). Structuring our conversations: Shifting to four dimensional advising models. Retrieved December 20, 2019 from <http://www.nacada.ksu.edu/Resources/Clearinghouse/View-Articles/Structuring-Our-Conversations-Shifting-to-Four-Dimensional-Advising-Models.aspx>
- Ministry of Education and Training (2014). *Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ [Decision No. 17/VBHN-BGDĐT promulgating the Regulation on formal university and college training according to the credit system]*.
- Ministry of Education and Training (2016). *Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ban hành quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy [Circular No. 10/2016/TT-BGDĐT promulgating the regulations on student work for regular university training programs]*.
- NACADA (2003). Definitions of academic advising. Retrieved December 12, 2019 from <https://nacada.ksu.edu/Resources/Clearinghouse/View-Articles/Definitions-of-academic-advising.aspx>
- Nguyen, N. A., & Vu, T. T. (2019). Thúc trạng hoạt động cơ bản học tập ở Trường Đại học Vinh [The status of academic advisor's activities at Vinh University]. *Vietnam Journal of Educational Sciences*, No.2, May/2019, 79-83.
- Pham, T. L. P., & Pham, T. H. (2019). Sự hài lòng của sinh viên về chất lượng dịch vụ của trường đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh [Student satisfaction of service quality at universities in Ho Chi Minh City]. *HCMCUE Journal of Science*, 16(4), 101-113.
- Vo, T. N. L. (2015). Thúc trạng công tác cơ bản học tập và rèn luyện của đội ngũ cơ bản học tập ở Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh [The status of academic advising provided by academic advisors at Ho Chi Minh City University of Education and Technology]. *HCMCUE Journal of Science*, 6(72), 123-134.
-

ACADEMIC ADVISING MODELS AT UNIVERSITIES AND RECOMMENDATIONS FOR VIETNAM

Phạm Thị Lan Phương

Ho Chi Minh City University of Education, Vietnam

Corresponding Author: Phạm Thị Lan Phương – Email: phuongptl@hcmue.edu.vn

Received: February 06, 2020; Revised: February 27, 2020; Accepted: November 30, 2020

ABSTRACT

The article analyzes the regulations and guidelines for academic advising at a couple of universities in Vietnam, Germany and Hong Kong. At Vietnamese universities, academic advising belongs to the function of student affairs and advisors are lecturers; while at foreign universities is often to the function of teaching-learning and advisors are not restricted to lecturers. The organizational system of academic advising typically consists of a central student support office that classifies students' needs, including academic advising. Based on document analysis, the paper provides recommendations of an academic advising model consisting of three variables suitable to the current conditions of Vietnamese universities.

Keywords: academic advising; model; universities; Vietnam